

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

DANH SÁCH QUYÊN QÓP

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phạm Xuân Phụng	4/7	200,000	
2	Nguyễn Tuấn Anh	4/5	100,000	
	Nguyễn Lê Quỳnh Phương	5/2	150,000	
	Phạm Nguyễn Huy Bình	5/4	2,000,000	
	Phạm Nguyễn Bình Khánh	2/3	1,000,000	
	Nguyễn Thiện Minh	2/3	500,000	
	Võ Châu Ngọc Trâm	2/6	300,000	
	Vũ Quỳnh Anh	2/3	1,000,000	
	Hồ Trần Thiện Thanh	2/4	200,000	
	Trần Huy Phương	2/3	200,000	
	Hà Linh Chi	2/4	500,000	
	Nguyễn Lam Victoria	2/6	500,000	
	Trần Bảo Hoàng	2/3	300,000	
	Nguyễn Minh Trí	2/3	300,000	
	Nguyễn Quang Anh Minh	2/3	200,000	
	Nguyễn Bảo Anh	2/3	100,000	
	Phạm Quốc Cường	2/4	200,000	
	Nguyễn Phúc An Nguyên	2/5	500,000	
	Nguyễn Minh Hoàng	2/4	200,000	
	Ngô Ngọc Thê Anh	2/6	300,000	
	Nguyễn Hữu Tài	2/6	100,000	
	Nguyễn Trần Minh Anh	2/6	200,000	
	Nguyễn Trâm Anh	2/6	200,000	
	Trần Thiên	3/1	500,000	
	Phan Lê Gia Hân	3/1	100,000	
	Nguyễn Thị Thanh Tú	3/1	1,000,000	
	Liêu Gia Hào	4/3	500,000	
	Mạch Vũ Quỳnh Anh	4/6	500,000	
	Nguyễn Y Vân	4/6	300,000	
	Trương Nguyễn Long Ân	4/6	500,000	
	La Yên Nhi	4/7	500,000	
	Đinh Sỹ Hưng	4/6	500,000	

3,950,000

24,200,000

	Vưu Tâm Như	4/6	200,000	
	Bùi Nguyên Đức An	4/6	200,000	
	Nguyễn LA Thu	4/3	500,000	
	Trần Tân Khang	4/6	200,000	
	(GVCN) Cô Hoa	4/5	500,000	
	Trần Trương Bảo Lam	4/5	500,000	
	Trần Quốc Thịnh	4/5	500,000	
	Nguyễn Long Nhật	4/5	500,000	
	Nguyễn Hoàng Quân	5/2	300,000	
	Phan Minh Khang	5/3	200,000	
	Trần Thuận Phát	5/3	1,000,000	
	Ngô An Khánh Ngân	5/3	2,000,000	
	Trần Bảo Vy	5/6	200,000	
	Phạm Hà Phương	5/6	500,000	
	Hội PHHS	5/6	1,000,000	
	Nguyễn Đào Ánh Dương	5/6	2,000,000	
	Nguyễn Huy Hoàng	5/3	100,000	
	Huỳnh Minh Thuận	4/2	2,000,000	
	Trương Thanh Tiền	1/5	100,000	
	Nguyễn Minh Quân		1,000,000	k LỚP
	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm		300,000	k LỚP
	Nguyễn Lê Thanh Nguyệt		500,000	k LỚP
	k RỒ TÊN hs	2/3	100,000	k TÊN hs
	Nguyễn Thanh Nam		100,000	k LỚP
	Nguyễn Ngọc Gia Hân	1/5	200,000	
	Trương Thái Hà My	1/5	300,000	
	Phan Gia Hoà	1/5	500,000	
	Lê Minh Trí	1/5	500,000	
	Phạm Huỳnh Thiên Phúc	1/5	200,000	
	Nguyễn Khuê Bích	1/5	500,000	
	Nguyễn Hoàng Quân	1/5	100,000	
	Thiên kim	1/5	100,000	
	Hoàng Khang	1/1	1,000,000	
	Tú Anh	1/2	500,000	
	Gia Huy	1/2	500,000	
	Trần Hào Vũ	1/2	500,000	
	Thái Hồng Vân	1/4	500,000	
	Lê Trần Gia Bảo	1/4	300,000	

35,950,000

	Phạm Võ Minh Anh	1/2	500,000	
	Nguyễn Thanh Trà	1/3	200,000	
	Nguyễn Quang Sơn	1/6	500,000	
	Nhật Minh	1/6	500,000	
	Võ Phước Thịnh	1/6	1,000,000	
	Đào Trang Anh	1/6	500,000	
	Nguyễn Ngọc Thanh Tú	1/6	500,000	
	Huỳnh Minh Khôi	1/6	500,000	
	Nguyễn Minh Anh	1/6	200,000	
	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	1/6	500,000	
	Nguyễn Lê Thanh Anh	1/5	200,000	
	Gia Hân	1/6	300,000	
	Đình Lập Nhân	1/5	200,000	
	Huỳnh Nguyễn Tuyết Nghi	1/1	500,000	
	Đặng Minh	1/6	500,000	
	Đặng Khoa	1/6	500,000	
	Nguyễn Hoàng Minh	2/4	200,000	
	Nguyễn Gia Huy	2/4	500,000	
	Nguyễn Tiên Đạt	2/4	200,000	
	Dương Gia Bảo	2/...	200,000	
	Quách Anh Kiệt	2/6	500,000	
	Hoàng Nguyên Bảo Quyên	2/1	500,000	
	Khánh Thành	3/4	200,000	
	Lê Thị Yên Ngọc	3/4	200,000	
	Châu Vũ Như Quỳnh	3/3	200,000	
	Lê Hải Anh	3/2	500,000	
	Lê Hoàng Bảo Trân	3/6	100,000	
	Nguyễn Dương Tuệ Mỹ	3/2	2,000,000	
	Vũ Ngọc Gia Hân	3/3	100,000	
	Huỳnh Chấn Phong	3/2	2,000,000	
	Nguyễn Trường Thịnh	3/2	500,000	
	Hoàng Như Kha	3/2	200,000	
	Trần Minh Trí	3/2	600,000	
	Hà Trân Hà Châu	3/3	2,000,000	
	GVCN	4/1	500,000	
	GVCN	4/2	300,000	

	Lê Hoàng Bách	4/1	500,000	
	Nguyễn Trường Thịnh	4/2	2,000,000	
	Phan Thảo Nguyên	4/3	300,000	
	Nguyễn Tuệ Anh	4/3	500,000	
	Nguyễn Ngọc Châu Anh	4/3	300,000	
	Lam Khuê	4/3	500,000	
	Ngọc Vinh	4/3	200,000	
	Hồ Thị Minh Hằng	4/3	200,000	
	Vũ Đặng Gia Ân	4/6	300,000	
	Yoon Khánh Hà	4/5	500,000	
	Nguyễn Anh Thư	4/3	500,000	
	Huỳnh Anh Quân	4/3	300,000	
	Lê Nguyễn Kim Ngân	4/5	100,000	
	Trần M Khang A	4/5	500,000	
	Trương Hoàng Giang	4/3	500,000	
	Trần Hoàng Thuỳ Dương	4/3	300,000	
	Hoàng Tuấn Anh	4/1	100,000	
	Vũ Nguyễn Thiên An	4/3	500,000	
	Nguyễn Cát An	4/3	500,000	
	Vũ Yến Nhi	4/3	300,000	
	Quốc Nhân	4/...	100,000	
	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	5/6	200,000	
	Huỳnh Lê Huỳnh Như	5/6	200,000	
	Vũ Thuỳ Anh	5/6	150,000	
	Phan Ngọc Thuý	GVTA	200,000	
	Nguyễn Hoàng Chinh	GVTA	100,000	
	Lê Xuân Quang	GVTA	500,000	
	Nguyễn Thuỵ Ngọc Hà	GVTA	100,000	
	Trương Ngọc Thị Thanh Thảo	GVTA	100,000	
	Hồ Thị Mỹ Phượng	GVTA	100,000	
	Vũ Thị Ngọc Diễm	GVTA	100,000	
	Thạch Thị Thuý	GVTA	100,000	
	Nguyễn Thị Hồng Phượng	GVTA	200,000	
	Phạm Thị Hương Nguyên		200,000	Thiếu thông tin lớp

	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh		200,000	Thiếu thông tin lớp
			100,000	Không rõ nguồn
			100,000	Không rõ nguồn
	Phạm Tung Quan	1/1	200,000	
	Nguyễn Quỳnh Quê Chi	1/1	1,500,000	
	Hoàng Bảo Ngọc	1/1	100,000	
	Ngô Bảo Khánh	1/6	500,000	
	Hưng Phong	1/5	300,000	
	Dinh Phương lam	1/4	100,000	
	Phạm Bảo Ngọc	1/4	200,000	
	Đoàn Anh Khoa	1/5	200,000	
	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	1/4	500,000	
	Trúc Anh	1/6	1,000,000	
	Minh Thư	1/2	300,000	
	Bạch Anh Tú	1/1	500,000	
	Lê Hoàng Bảo Nghi	1/2	500,000	
	Nguyễn Chí Nhân	1/1	400,000	
	Lương Gia Phú	1/2	500,000	
	Trần Nguyên Toàn	1/2	300,000	
	Nguyễn Thành An	1/2		
	Trần Đại Khánh	1/6	1,500,000	
	Văn Hải Nam	1/1	500,000	
	Gia Bảo	1/1	200,000	
	Lê Quang Hiên	1/2	200,000	
	Danh Phan Le Quyen	1/2	300,000	
	Trương Khai Uy	1/3	100,000	
	Lê Bùi Hải Đăng	1/5	200,000	
	Bùi EBan Phúc Lâm	1/3	100,000	
	Nguyễn Ngọc Minh Anh	1/3	500,000	
	Bùi Công Minh	1/2	200,000	
	Lưu Gia Bảo	1/1	200,000	
	Anh Thư	1/1	100,000	

40,316,000

	Trần Thiên An	1/3	500,000	
	Vũ Võ Anh Minh	1/6	300,000	
	Nguyễn Hoàng Anh	1/6	500,000	
	Nguyễn Bảo Ngọc	1/6	200,000	
	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	1/6	300,000	
	Võ Ngọc Y Như	1/6	500,000	
	Lê Đoàn Thị Quỳnh Như	1/4	200,000	
	Nguyễn Thị Bảo Ngân	1/4	200,000	
	Trần Thanh Bảo	1/4	500,000	
	Trần Bảo Trí	1/1	300,000	
	Hoàng Nam	1/2	100,000	
	Bùi Hạ Vy	1/4	300,000	
	Nguyễn Bảo Khoa	1/2	200,000	
	Võ Gia Cát	1/1	400,000	
	(GVCN) Cô Lan Anh	1/6	500,000	
	Ngô Lâm Xuân Anh	2/5		
	Nguyễn Lê Anh Tú	2/6	100,000	
	Huỳnh Gia Hân	2/6	100,000	
	Dang Chau Lam	2/3	200,000	
	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	2/6	150,000	
	Chu Hiên Nhan	2/3	200,000	
	Trương Anh Minh	3/4	2,000,000	
	Minh Huy	3/4	1,000,000	
	Phi Đặng Thảo My	3/2	50,000	
	Huy Hoàng	3/4	216,000	
	Hoàng Bảo Phúc	3/2	800,000	
	Trần Gia Hân	3/2	200,000	
	Vũ Minh Tuấn Bằng	3/4	100,000	
	Dinh Tuấn Thành	3/5	300,000	
	Nguyễn Ngô Linh Nhi	3/5	200,000	
	Âu Gia Hân	3/2	2,000,000	
	Dương Quốc Khang	3/5	500,000	
	Võ Chi Huy	3/4	300,000	
	(GVCN)	1/3	500,000	
	Gia Bảo	3/1	300,000	
	Duy Hien	3/5	500,000	
	Kha Văn	3/4	200,000	

	Nguyễn Đức Anh	3/5	300,000	
	Trần Xuân Bảo Khánh	3/5	300,000	
	Trần Gia Minh	3/5	200,000	
	Nguyễn Lê Đăng Kha	3/2	100,000	
	Nguyễn Lan Chi	3/1	500,000	

Lê Thảo Ánh Phương	4/6	300,000
Võ Gia Hân	4/6	400,000
Lê Hoàng Hải Trân	4/5	500,000
Đặng Hồng Thảo Anh	4/4	200,000
Phạm Quỳnh Chi	4/4	300,000
Nguyễn Vũ Hoàng Minh	4/4	200,000
Phùng Lê Hà Ân	4/4	200,000
Nguyễn Phú Cường	4/1	100,000
Phan Vũ Hạnh My	4/1	200,000
(GVCN) Cô Hằng	4/1	500,000
Phạm Trần Phương Nghi	4/6	300,000
Nguyễn Hoàng Thiên	4/1	200,000
Lê Huyền Thu	4/5	300,000
Nguyễn Khánh Chi	4/3	200,000
Nguyễn Hoàng Khánh Linh	4/5	200,000
Nguyễn Minh Hằng	4/5	200,000
Dương Mai Linh	4/5	200,000
Quang Thanh	4/5	200,000
Phạm Đắc Gia Huy	4/3	100,000
Nguyễn Hồ Thảo Nhi	4/3	500,000
Lê Nguyễn Tuệ Nhi	4/5	300,000

Lê Ngọc Khánh Tâm	5/5	500,000
Vũ Duy Minh Hùng	5/6	200,000
(GVCN) Cô Phước	5/1	500,000
Tập Thể	5/1	4,000,000
Nguyễn Đỗ Hà My	5/6	500,000
Nguyễn Phạm Khánh Hà	5/6	100,000
Duy Hiếu	5/2	500,000
Nguyễn Lê Mỹ Linh	5/6	100,000
(GVCN) Cô Ly	5/6	200,000

GV-TPT) Nguyễn Tin Tấn

200,000

Đặng Ngọc Kim Ngân	100,000	Thiếu thông tin lớp
Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	100,000	Thiếu thông tin lớp
Lê Minh Tiền	100,000	Thiếu thông tin lớp
Nguyễn Lê Thiên Phát	100,000	Thiếu thông tin lớp

Bảo Trân	1/6	500,000
Vũ Quỳnh Nhi	1/3	500,000
Nguyễn Trâm Anh	1/6	300,000
Nguyễn Khánh Quân	1/6	500,000
Hồ Nhật Minh	1/1	500,000
Nguyễn Đình Phong	1/6	1,000,000
Trần Huỳnh Minh Khoa	1/4	200,000
Võ Ngọc Bảo Linh	1/6	200,000
(GVCN)Cô Tiên	1/5	200,000
Đô Ngọc Trúc Lam	3/2	500,000
Thanh Long	3/2	200,000
Bùi Thái Thu Giang	3/2	100,000
Đặng Thái Vy	3/2	300,000
Đức Anh	3/6	1,000,000
Võ Phước Châu	3/1	1,000,000
Dương Đại Nghi	3/5	500,000
Trần Gia Hy	3/5	100,000
Dương An Nhi	3/1	500,000
Phú Vương	3/2	150,000
Nguyễn Bảo Thy	3/1	500,000
Nguyễn Phúc Trường	4/3	300,000
Vân Phi	5/2	300,000
Quý Phi		
La Đô Hương Linh	5/6	200,000

20,900,000

(GVCN) Cô yên		100,000
Bùi Việt Anh	5/5	50,000
Cô Nguyễn Hà Phương Thanh	Hiệu trưởng	1,000,000
Thầy Nguyễn Văn Chiến	Phó Hiệu Trưởng	500,000
Cô Tâm	PV	100,000
Cô Lý	PV	200,000
Cô Trâm	KT	100,000
Khải Anh	1/3	100,000
Phạm Lê Thái Bảo	1/3	1,000,000
Phạm Lê Thái Khuê	2/3	1,000,000
Nguyễn Minh Anh	3/3	200,000
Ngô Minh Châu	3/1	500,000
Nguyễn Ngọc Bảo Trân	5/2	200,000
An Nhiên	3/1	100,000
Nguyễn Khánh Trang	4.1	300,000
Nguyễn Ngọc Minh Châu	3/1	500,000
Phùng Lê Hà An	4/4	200,000
Phạm Bảo Ngọc	4/1	100,000
Mai Đăng Khoa	3/5	500,000
Gian Thanh Ngọc	4/1	500,000
Phạm Khiết Minh Khoa	4/1	500,000
Ngô Quốc Tuấn	4/1	200,000
Lê Minh Hoàng	4/1	200,000
Lê Thị Minh Khue	2/1	100,000
Hứa Gia Bảo	1/4	200,000
Trần Thiên Uyên	1/4	100,000
Nguyễn Thị Phúc Hiên	2/5	200,000
Đoàn Phương Hải Yến	4/1	500,000
Nguyễn Hồng Đăng	4/1	200,000
(GVAN) Cô Giang	Âm nhạc	200,000
An Nhiên	3/3	500,000

Thiếu
thông
tin lớp

125,316,000

Vũ Thùy Trang	3.3	200,000
Phạm Trương Hồng Lam	1/3	200,000
Nguyễn Quốc Khánh	3/5	300,000
		500,000

#

2/6/2021
2/3/2021
2/4/2021
2/3/2021
2/4/2021
2/6/2021
2/3/2021
2/3/2021
2/3/2021
2/3/2021
2/4/2021
2/5/2021
2/4/2021
2/6/2021
2/6/2021
2/6/2021
2/6/2021
3/1/2021
3/1/2021
3/1/2021
4/3/2021
4/6/2021
4/6/2021
4/6/2021
4/7/2021
4/6/2021

4/6/2021
4/6/2021
4/3/2021
4/6/2021
4/5/2021
4/5/2021
4/3/2021
4/5/2021
5/2/2021
5/3/2021
5/3/2021
5/3/2021

	5/6
	5/6
	5/6
	5/6
	5/3
	4/2
	1/5

1/5
1/5
1/5
1/5
1/5
1/5
1/5
1/5
1/1
1/2
1/2
1/2
1/4
1/4

1/2
1/3
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/5
1/6
1/5
1/1
1/6
1/6
2/4
2/4
2/4
2/...
2/6
2/1
3/4
3/4
3/3
3/2
3/6
3/2
3/3
3/2
3/2
3/2
3/2
3/3
4/1
4/2

4/1
4/2
4/3
4/3
4/3
4/3
4/3
4/3
4/6
4/5
4/3
4/3
4/5
4/5
4/3
4/3
4/1
4/3
4/3
4/3
4/...
5/6
5/6

1/1
1/1
1/1
1/6
1/5
1/4
1/4
1/5
1/4
1/6
1/2
1/1
1/2
1/1
1/2
1/2
1/2
1/6
1/1
1/1
1/2
1/2
1/3
1/5
1/3
1/3
1/2
1/1
1/1

1/3
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/4
1/4
1/4
1/1
1/2
1/4
1/2
1/1
1/6

2/5
2/6
2/6
2/3
2/6
2/3

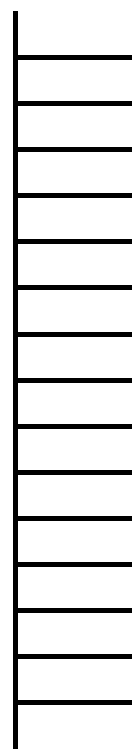
3/4
3/4
3/2
3/4
3/2
3/2
3/4
3/5
3/5
3/2
3/5
3/4
1/3
3/1
3/5
3/4

3/5
3/5
3/5
3/2
3/1

4/6
4/6
4/5
4/4
4/4
4/4
4/4
4/1
4/1
4/1
4/6
4/1
4/5
4/3
4/5
4/5
4/5
4/5
4/3
4/3
4/5

5/5
5/6
5/1
5/1
5/6
5/6
5/2
5/6
5/6

1/6
1/3
1/6
1/6
1/1
1/6
1/4
1/6
1/5
3/2
3/2
3/2
3/2
3/6
3/1
3/5
3/5
3/1
3/2
3/1
4/3
5/2
5/6



[illegible]

[illegible]

[illegible]

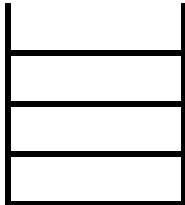
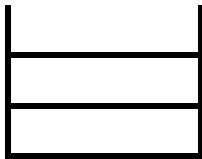
BẢNG TỔNG HỢP CÁC LỚP

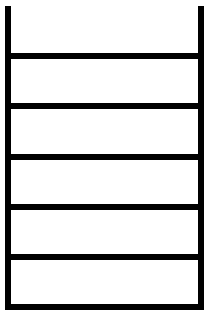
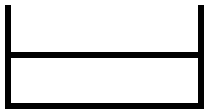
STT	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	1/1	6,400,000	
2	1/2	4,600,000	1 Điện thoại
3	1/3	3,200,000	
4	1/4	3,100,000	
5	1/5	3,600,000	
6	1/6	12,800,000	
7	2/1	600,000	
8	2/2	0	
9	2/3	5,100,000	
10	2/4	2,500,000	
11	2/5	1,200,000	1 Điện thoại
12	2/6	2,650,000	
13	3/1	5,500,000	
14	3/2	10,200,000	
15	3/3	3,200,000	
16	3/4	4,216,000	
17	3/5	3,000,000	
18	3/6	1,100,000	
19	3/7	0	
20	4/1	4,600,000	
21	4/2	4,000,000	
22	4/3	7,500,000	
23	4/4	800,000	
24	4/5	5,100,000	
25	4/6	4,200,000	
26	4/7	700,000	
27	5/1	4,000,000	
28	5/2	1,450,000	
29	5/3	3,300,000	
30	5/4	2,000,000	
31	5/5	550,000	
32	5/6	5,350,000	
33	GV	8,300,000	
34	K TÊN	1,000,000	

		125,816,000	
--	--	-------------	--

--	--	--

--





**DANH SÁCH CB-GV-NV HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Hà Phương Thanh	Hiệu trưởng	1,000,000	
2	Nguyễn Văn Chiến	Phó Hiệu Trưởng	500,000	
3	Nguyễn Mai Lan Anh	1/6	500,000	
4	Huỳnh Thị Thanh Tiên	1/5	200,000	
5	Nguyễn Thị Hội	1/3	500,000	
6	Nguyễn Thị Hoa	4/5	500,000	
7	Nguyễn Thị Thu Hằng	4/1	1,000,000	
8	Lê Dạ Trúc Phương	4/2	300,000	
10	Đặng Hồng Thảo Anh	4/4	200,000	
11	Trần Thị Lưu Phước	5/1	500,000	
12	Hồ Thị Trúc Ly	5/6	200,000	
13	Phan Ngọc Thuý	GVTA	200,000	
14	Nguyễn Hoàng Chinh	GVTA	100,000	
15	Lê Xuân Quang	GVTA	500,000	
16	Nguyễn Thụy Ngọc Hà	GVTA	100,000	
17	Trương Ngọc Thị Thanh Thảo	GVTA	100,000	
18	Hồ Thị Mỹ Phượng	GVTA	100,000	
19	Vũ Thị Ngọc Diễm	GVTA	100,000	
20	Thạch Thị Thuý	GVTA	100,000	
21	Nguyễn Thị Hồng Phượng	GVTA	200,000	
22	Lê Thị Trúc Giang	Âm nhạc	200,000	
23	Nguyễn Tin Tấn	TPT	200,000	
24	Trần Thị Hải Yến	GVCN	100,000	
25	Nguyễn Thị Lệ Tâm	PV	100,000	
26	Mai Thị Hữu Lý	PV	200,000	
27	Tập thể Khối 3	GVCN	500,000	
28	Trần Thị Ngọc Trâm	KT	100,000	
Tổng cộng			8,300,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

trưởng	
Hiệu	
1/6	
1/5	
1/3	
4/5/2021	
	4/1
	4/2
4/4	
5/1	
5/6	

nhạc

PV
PV
KT

500,000
500,000
300,000
500,000
500,000
1,000,000
200,000
200,000
200,000
500,000
200,000
100,000
300,000
1,000,000
1,000,000
500,000
100,000
500,000

20,900,000

150,000
500,000
300,000
300,000
200,000
100,000
50,000
1,000,000
500,000
100,000
200,000
100,000
100,000
1,000,000
1,000,000
200,000
500,000
200,000
100,000
300,000
500,000
200,000
100,000
500,000
500,000
500,000
200,000
200,000
100,000
500,000
200,000
200,000
200,000
100,000
200,000
500,000
200,000
200,000
300,000
500,000

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Hoàng Khang	1/1	1,000,000	
2	Huỳnh Nguyễn Tuyết Nghi	1/1	500,000	
3	Phạm Tung Quan	1/1	200,000	
4	Nguyễn Quỳnh Quê Chi	1/1	1,500,000	
5	Hoàng Bảo Ngọc	1/1	100,000	
6	Bạch Anh Tú	1/1	500,000	
7	Nguyễn Chí Nhân	1/1	400,000	
8	Văn Hải Nam	1/1	500,000	
9	Gia Bảo	1/1	200,000	
10	Lưu Gia Bảo	1/1	200,000	
11	Anh Thư	1/1	100,000	
12	Trần Bảo Trí	1/1	300,000	
13	Võ Gia Cát	1/1	400,000	
14	Hồ Nhật Minh	1/1	500,000	
Tổng cộng			6,400,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

#####

[illegible]

[illegible]

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Tú Anh	1/2	500,000	
2	Gia Huy	1/2	500,000	
3	Trần Hào Vũ	1/2	500,000	
4	Phạm Võ Minh Anh	1/2	500,000	
5	Minh Thư	1/2	300,000	
6	Lê Hoàng Bảo Nghi	1/2	500,000	
7	Lương Gia Phú	1/2	500,000	
8	Trần Nguyên Toàn	1/2	300,000	
9	Nguyễn Thành An	1/2		Hiện vật
10	Lê Quang Hiên	1/2	200,000	
11	Danh Phan Lê Quyên	1/2	300,000	
12	Bùi Công Minh	1/2	200,000	
13	Hoàng Nam	1/2	100,000	
14	Nguyễn Bảo Khoa	1/2	200,000	
Tổng cộng			4,600,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	Nguyễn Thanh Trà	1/3	200,000	
	Trương Khải Uy	1/3	100,000	
	Bùi EBan Phúc Lâm	1/3	100,000	
	Nguyễn Ngọc Minh Anh	1/3	500,000	
	Trần Thiên Ân	1/3	500,000	
	Vũ Quỳnh Nhi	1/3	500,000	
	Khải Anh	1/3	100,000	
	Phạm Trương Hồng Lãm	1/3	200,000	
	Phạm Lê Thái Bảo	1/3	1,000,000	
Tổng cộng			3,200,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

	1/3
1/3	
1/3	
1/3	
1/3	
1/3	
1/3	

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Thái Hồng Vân	1/4	500,000	
2	Lê Trần Gia Bảo	1/4	300,000	
3	Dinh Phương lam	1/4	100,000	
4	Phạm Bảo Ngọc	1/4	200,000	
5	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	1/4	500,000	
6	Lê Đoàn Thị Quỳnh Như	1/4	200,000	
7	Nguyễn Thị Bảo Ngân	1/4	200,000	
8	Trần Thanh Bảo	1/4	500,000	
9	Bùi Hạ Vy	1/4	300,000	
10	Trần Thiên Uyên	1/4	100,000	
11	Trần Huỳnh Minh Khoa	1/4	200,000	
Tổng cộng			3,100,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Nguyễn Ngọc Gia Hân	1/5	200,000	
2	Trương Thái Hà My	1/5	300,000	
3	Phan Gia Hoà	1/5	500,000	
4	Lê Minh Trí	1/5	500,000	
5	Phạm Huỳnh Thiên Phúc	1/5	200,000	
6	Nguyễn Khuê Bích	1/5	500,000	
7	Nguyễn Hoàng Quân	1/5	100,000	
8	Thiên kim	1/5	100,000	
9	Hưng Phong	1/5	300,000	
10	Đoàn Anh Khoa	1/5	200,000	
11	Đinh Lập Nhân	1/5	200,000	
12	Trương Thanh Tiền	1/5	100,000	
13	Nguyễn Lê Thanh Anh	1/5	200,000	
14	Lê Bùi Hải Đăng	1/5	200,000	
Tổng cộng			3,600,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Nguyễn Quang Sơn	1/6	500,000	
2	Nhật Minh	1/6	500,000	
3	Võ Phước Thịnh	1/6	1,000,000	
4	Đào Trang Anh	1/6	500,000	
5	Nguyễn Ngọc Thanh Tú	1/6	500,000	
6	Huỳnh Minh Khôi	1/6	500,000	
7	Nguyễn Minh Anh	1/6	200,000	
8	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	1/6	500,000	
9	Gia Hân	1/6	300,000	
10	Đặng Minh	1/6	500,000	
11	Đặng Khoa	1/6	500,000	
12	Ngô Bảo Khanh	1/6	500,000	
13	Trúc Anh	1/6	1,000,000	
14	Trần Đại Khánh	1/6	1,500,000	
15	Vũ Võ Anh Minh	1/6	300,000	
16	Nguyễn Hoàng Anh	1/6	500,000	
17	Nguyễn Bảo Ngọc	1/6	200,000	
18	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	1/6	300,000	
19	Võ Ngọc Ý Như	1/6	500,000	
20	Bảo Trân	1/6	500,000	
21	Nguyễn Trâm Anh	1/6	300,000	
22	Nguyễn Khánh Quân	1/6	500,000	
23	Nguyễn Đình Phong	1/6	1,000,000	
24	Võ Ngọc Bảo Linh	1/6	200,000	
Tổng cộng			12,800,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6

1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6
1/6

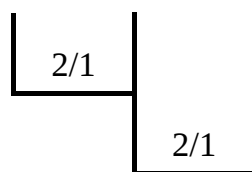
#####

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lê Thị Minh Khuê	2/1	100,000	
2	Hoàng Nguyên Bảo Quyên	2/1	500,000	
Tổng cộng			600,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KI
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN
		2/2	
			0

Quận 7, ngày 29 tháng 9

HIỆU TRƯỞNG

IĨA VIỆT NAM

Phúc

IĂN

[illegible]

năm 2021

52

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phạm Nguyễn Bình Khánh	2/3	1,000,000	
2	Nguyễn Thiện Minh	2/3	500,000	
3	Vũ Quỳnh Anh	2/3	1,000,000	
4	Trần Huy Phương	2/3	200,000	
5	Trần Bảo Hoàng	2/3	300,000	
6	Nguyễn Minh Trí	2/3	300,000	
7	Nguyễn Quang Anh Minh	2/3	200,000	
8	Nguyễn Bảo Anh	2/3	100,000	
9	Nguyễn Dương Thiên Kim	2/3	100,000	
10	Dang Chau Lam	2/3	200,000	
11	Chu Hiên Nhan	2/3	200,000	
12	Phạm Lê Thái Khuê	2/3	1,000,000	
Tổng cộng			5,100,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

#####
#####
#####
#####
#####
#####

2/3
2/3
2/3

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Hồ Trần Thiện Thanh	2/4	200,000	
2	Hà Linh Chi	2/4	500,000	
3	Phạm Quốc Cường	2/4	200,000	
4	Nguyễn Minh Hoàng	2/4	200,000	
5	Nguyễn Hoàng Minh	2/4	200,000	
6	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	2/4	200,000	
7	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm	2/4	300,000	
8	Nguyễn Gia Huy	2/4	500,000	
9	Nguyễn Tiên Đạt	2/4	200,000	
Tổng cộng			2,500,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

#####	
#####	
#####	
#####	
	2/4
	2/4
	2/4

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Phúc Hiền	2/5	200,000	
2	Nguyễn Phúc An Nguyên	2/5	500,000	
3	Lưu Quốc Trung	2/5	500,000	
3	Ngô Lâm Xuân Anh	2/5		Hiện vật
Tổng cộng			1,200,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Võ Châu Ngọc Trâm	2/6	300,000	
2	Nguyễn Lam Victoria	2/6	500,000	
3	Ngô Ngọc Thế Anh	2/6	300,000	
4	Nguyễn Hữu Tài	2/6	100,000	
5	Nguyễn Trần Minh Anh	2/6	200,000	
6	Nguyễn Trâm Anh	2/6	200,000	
7	Quách Anh Kiệt	2/6	500,000	
8	Nguyễn Lê Anh Tú	2/6	100,000	
9	Dương Gia Bảo	2/6	200,000	
10	Huỳnh Gia Hân	2/6	100,000	
11	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	2/6	150,000	
Tổng cộng			2,650,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

#####



**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Trần Thiên	3/1	500,000	
2	Phan Lê Gia Hân	3/1	100,000	
3	Nguyễn Thị Thanh Tú	3/1	1,000,000	
4	Gia Bảo	3/1	300,000	
5	Lê Nguyễn Lan Chi	3/1	500,000	
6	Võ Phước Châu	3/1	1,000,000	
7	Dương An Nhi	3/1	500,000	
8	Nguyễn Bảo Thy	3/1	500,000	
9	Ngô Minh Châu	3/1	500,000	
10	Nguyễn Ngọc Minh Châu	3/1	500,000	
11	An Nhiên	3/1	100,000	
Tổng cộng			5,500,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

[illegible]

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lê Hải Anh	3/2	500,000	
2	Nguyễn Dương Tuệ Mỹ	3/2	2,000,000	
3	Huỳnh Chấn Phong	3/2	2,000,000	
4	Nguyễn Trường Thịnh	3/2	500,000	
5	Hoàng Như Kha	3/2	200,000	
6	Trần Minh Trí	3/2	600,000	
7	Phi Đặng Thảo My	3/2	50,000	
8	Hoàng Bảo Phúc	3/2	800,000	
9	Trần Gia Hân	3/2	200,000	
10	Âu Gia Hân	3/2	2,000,000	
11	Nguyễn Lê Đăng Kha	3/2	100,000	
12	Đỗ Ngọc Trúc Lam	3/2	500,000	
13	Thanh Long	3/2	200,000	
14	Bùi Thái Thu Giang	3/2	100,000	
15	Phú Vương	3/2	150,000	
16	Đặng Thái Vy	3/2	300,000	
Tổng cộng			10,200,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Châu Vũ Như Quỳnh	3/3	200,000	
2	Vũ Ngọc Gia Hân	3/3	100,000	
3	An Nhiên	3/3	500,000	
4	Vuũ Thuỳ Trang	3/3	200,000	
5	Hà Trân Hà Châu	3/3	2,000,000	
6	Nguyễn Minh Anh	3/3	200,000	
Tổng cộng			3,200,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Khánh Thành	3/4	200,000	
2	Lê Thị Yến Ngọc	3/4	200,000	
3	Trương Anh Minh	3/4	2,000,000	
4	Minh Huy	3/4	1,000,000	
5	Huy Hoàng	3/4	216,000	
6	Vũ Minh Tuấn Bằng	3/4	100,000	
7	Võ Chi Huy	3/4	300,000	
8	Kha Văn	3/4	200,000	
Tổng cộng			4,216,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

	3/4
	3/4
3/4	
3/4	
3/4	
3/4	
3/4	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Đinh Tuấn Thành	3/5	300,000	
2	Nguyễn Ngô Linh Nhi	3/5	200,000	
4	Nguyễn Duy Hiền	3/5	500,000	
5	Nguyễn Đức Anh	3/5	300,000	
6	Trần Xuân Bảo Khanh	3/5	300,000	
7	Trần Gia Minh	3/5	200,000	
8	Dương Đại Nghị	3/5	500,000	
	Mohamed Yusuf	3/5	200,000	
11	Mai Đăng Khoa	3/5	500,000	
Tổng cộng			3,000,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

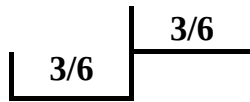
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lê Hoàng Bảo Trân	3/6	100,000	
2	Đức Anh	3/6	1,000,000	
Tổng cộng			1,100,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



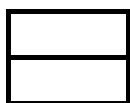
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		3/7		
Tổng cộng			0	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG



**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lê Hoàng Bách	4/1	500,000	
2	Hoàng Tuấn Anh	4/1	100,000	
3	Nguyễn Phú Cường	4/1	100,000	
4	Phan Vũ Hạnh My	4/1	200,000	
5	Nguyễn Hoàng Thiên	4/1	200,000	
6	Nguyễn Khánh Trang	4.1	300,000	
7	Phạm Bảo Ngọc	4/1	100,000	
8	Gian Thanh Ngọc	4/1	500,000	
9	Phạm Khiết Minh Khoa	4/1	500,000	
10	Ngô Quốc Tuấn	4/1	200,000	
11	Lê Minh Hoàng	4/1	200,000	
12	Đoàn Phương Hải Yên	4/1	500,000	
13	Trương Chiên Đoàn	4/1	500,000	
14	Đoàn Nguyễn Quốc Nhân	4/1	100,000	
15	Trần Thiên Uyên	4/1	100,000	
16	Nguyễn Lê Thiên Phát	4/1	100,000	
17	Nguyễn Lâm Phương Nam	4/1	200,000	
18	Hứa Gia Bảo	4/1	200,000	
Tổng cộng			4,600,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

	4/1
	4/1
4/1	
4/1	
4/1	
4.1	
4/1	
4/1	
4/1	
4/1	
4/1	
4/1	
4/1	
4/1	
4/1	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Huỳnh Minh Thuận	4/2	2,000,000	
2	Nguyễn Trường Thịnh	4/2	2,000,000	
Tổng cộng			4,000,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

$$\frac{4}{2}$$

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Liêu Gia Hào	4/3	500,000	
2	Nguyễn LA Thu	4/3	500,000	
3	Phan Thảo Nguyên	4/3	300,000	
4	Nguyễn Tuệ Anh	4/3	500,000	
5	Nguyễn Ngọc Châu Anh	4/3	300,000	
6	Lam Khuê	4/3	500,000	
7	Ngọc Vinh	4/3	200,000	
8	Hồ Thị Minh Hằng	4/3	200,000	
9	Nguyễn Anh Thư	4/3	500,000	
10	Huỳnh Anh Quân	4/3	300,000	
11	Trương Hoàng Giang	4/3	500,000	
12	Trần Hoàng Thuỳ Dương	4/3	300,000	
13	Vũ Nguyễn Thiên An	4/3	500,000	
14	Nguyễn Cát An	4/3	500,000	
15	Vũ Yến Nhi	4/3	300,000	
16	Phạm Đắc Gia Huy	4/3	100,000	
17	Nguyễn Hồ Thảo Nhi	4/3	500,000	
18	Nguyễn Phúc Trường	4/3	300,000	
19	Trần Quốc Thịnh	3/4	500,000	
20	Nguyễn Khánh Chi	4/3	200,000	
Tổng cộng			7,500,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

#####

#####

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

4/3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phạm quỳnh Chi	4/4	300,000	
2	Nguyễn Vũ Hoàng Minh	4/4	200,000	
3	Lê Trần Phương Nhi	4/4	100,000	
4	Phùng Lê Hà Ân	4/4	200,000	
Tổng cộng			800,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

4/4
4/4
4/4
4/4

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Nguyễn Tuấn Anh	4/5	100,000	
2	Trần Trương Bảo Lam	4/5	500,000	
3	Nguyễn Long Nhật	4/5	500,000	
4	Yoon Khánh Hà	4/5	500,000	
5	Lê Nguyễn Kim Ngân	4/5	100,000	
6	Trần M Khang A	4/5	500,000	
7	Lê Hoàng Hải Trân	4/5	500,000	
8	Lê Huyền Thu	4/5	300,000	
9	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	4/5	200,000	
10	Nguyễn Minh Hằng	4/5	200,000	
11	Dương Mai Linh	4/5	200,000	
12	Nguyễn Minh Quân	4/5	1,000,000	
13	Phạm Quang Thanh	4/5	200,000	
14	Lê Nguyễn Tuệ Nhi	4/5	300,000	
Tổng cộng			5,100,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

#####	
#####	
#####	
	4/5
	4/5
	4/5
4/5	
4/5	
4/5	
4/5	
4/5	
4/5	
4/5	

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Mạch Vũ Quỳnh Anh	4/6	500,000	
2	Nguyễn Y Vân	4/6	300,000	
3	Trương Nguyễn Long Ân	4/6	500,000	
4	Đinh Sỹ Hưng	4/6	500,000	
5	Vưu Tâm Như	4/6	200,000	
6	Bùi Nguyễn Đức Ân	4/6	200,000	
7	Đặng Ngọc Kim Ngân	4/6	100,000	
7	Trần Tấn Khang	4/6	200,000	
8	Vũ Đặng Gia Ân	4/6	300,000	
9	Lê Thảo Ánh Phương	4/6	300,000	
10	Võ Gia Hân	4/6	800,000	
11	Phạm Trần Phương Nghi	4/6	300,000	
Tổng cộng			4,200,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phạm Xuân Phụng	4/7	200,000	
2	La Yên Nhi	4/7	500,000	
Tổng cộng			700,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

2,350,000 #####

#####

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Tập Thể	5/1	4,000,000	
Tổng cộng			4,000,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Nguyễn Lê Quỳnh Phương	5/2	150,000	
2	Nguyễn Hoàng Quân	5/2	300,000	
3	Duy Hiếu	5/2	500,000	
4	Vân Phi	5/2	300,000	
5	Quý Phi			
6	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	5/2	200,000	
Tổng cộng			1,450,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

#####
5/2
5/2
5/2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

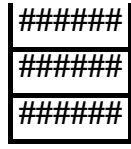
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phan Minh Khang	5/3	200,000	
2	Trần Thuận Phát	5/3	1,000,000	
3	Ngô An Khánh Ngân	5/3	2,000,000	
4	Nguyễn Huy Hoàng	5/3	100,000	
Tổng cộng			3,300,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phạm Nguyễn Huy Bình	5/4	2,000,000	
Tổng cộng			2,000,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lê Ngọc Khánh Tâm	5/5	500,000	
2	Bùi Việt Anh	5/5	50,000	
Tổng cộng			550,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

5/5
5/5

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Nguyễn Trần Bảo Vy	5/6	200,000	
2	Phạm Hà Phương	5/6	500,000	
3	Hội PHHS	5/6	1,000,000	
4	Nguyễn Đào Ánh Dương	5/6	2,000,000	
5	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	5/6	200,000	
6	Huỳnh Lê Huyền Như	5/6	200,000	
7	Vũ Thuỳ Anh	5/6	150,000	
8	Võ Duy Minh Hưng	5/6	200,000	
9	Nguyễn Đỗ Hà My	5/6	500,000	
10	Nguyễn Phạm Khánh Hà	5/6	100,000	
11	Nguyễn Lê Mỹ Linh	5/6	100,000	
12	La Đỗ Hương Linh	5/6	200,000	
Tổng cộng			5,350,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

5/6
5/6

5/6
5/6
5/6
5/6
5/6

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**DANH SÁCH PHHS HỖ TRỢ HỌC SINH KHÓ KHĂN
TRONG MÙA DỊCH COVID NĂM 2021**

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
3	Nguyễn Lê Thanh Nguyệt		500,000	k LỚP
6	Phạm Thị Hương Nguyên		200,000	Thiếu thông tin lớp
11	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo		100,000	Thiếu thông tin lớp
12	Lê Minh Tiền		100,000	Thiếu thông tin lớp
15	Nguyễn Thanh Nam		100,000	
Tổng cộng			1,000,000	

Quận 7, ngày 29 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG